

Câu 14: Loại thuế nào dưới đây được thu trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
- B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. Thuế thu nhập cá nhân.
- D. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Câu 15: Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là:

- A. doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.
- B. mọi cá nhân tổ chức có thu nhập chịu thuế.
- C. hộ gia đình tham gia quá trình sản xuất.
- D. người tiêu dùng các sản phẩm kinh doanh.

Câu 16: Công ty X nhập khẩu xe ô tô 4 chỗ nguyên chiếc không phải chịu loại thuế nào dưới đây với mặt hàng ô tô?

- A. Thuế nhập khẩu.
- B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. Thuế giá trị gia tăng.
- D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 17: Loại hàng hoá nào dưới đây phải chịu thuế bảo vệ môi trường?

- A. Bao bì nhựa mỏng đựng hàng hoá.
- B. Bao bì đóng gói sản phẩm hàng hoá.
- C. Bao bì cá nhân nhập khẩu để đóng gói sản phẩm.
- D. Bao bì mua trực tiếp của người sản xuất để đóng gói sản phẩm.

Câu 18: Công ty X ủy thác cho Công ty Z nhập khẩu một lô hàng từ Nhà sản xuất B qua cửa khẩu biên giới. Chủ thể nào dưới đây phải nộp thuế nhập khẩu?'

- A. Công ty X.
- B. Công ty Z.
- C. Nhà sản xuất B.
- D. Công ty X và Nhà sản xuất B.

Câu 19: Anh X được trao Giải thưởng Sao Đỏ vì là doanh nhân trẻ tiêu biểu trong năm, có nhiều đóng góp cho đất nước. Trong trường hợp này anh X có thể phải đóng loại thuế nào theo quy định của luật thuế

- A. Thuế thu nhập cá nhân.
- B. Thuế sở hữu trí tuệ.
- C. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- D. Thuế xuất nhập khẩu

Câu 20: Anh A làm nhân viên một công ty tư nhân, thu nhập mỗi tháng của anh là 20 triệu đồng, trừ các khoản miễn thuế và giảm trừ gia cảnh mà anh được hưởng, anh A phải nộp thuế 150 000 đồng/tháng. Loại thuế anh phải nộp là thuế

- A. Thuế giảm trừ gia cảnh.
- B. Thuế thu nhập cá nhân.
- C. Thuế bảo vệ môi trường.
- D. Thuế môn bài.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Gia đình anh D, chị H có một trang trại chăn nuôi rộng 2 héc-ta, trong đó có 500m² - đất ở, diện tích còn lại là đất trồng trọt, ao thả cá. Nhờ có hiểu biết về kinh doanh, mà hoạt động kinh tế của gia đình mang lại thu nhập ổn định. Hàng năm vợ chồng anh chị đều thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đóng thuế và quy định về sử dụng đất.

Câu 21: Với diện tích 2ha trên, gia đình anh D phải đóng loại thuế nào dưới đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
- B. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- C. Thuế xuất nhập khẩu hàng hóa.
- D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, với khoản thu nhập có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, gia đình anh D và chị H phải nộp khoản thuế nào dưới đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
- B. Thuế thu nhập cá nhân.
- C. Thuế xuất khẩu hàng hóa.
- D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 23: Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, hoạt động của gia đình anh D và chị H thuộc hoạt động nào dưới đây?

- A. Hoạt động sản xuất.
- B. Hoạt động phân phối.
- C. Hoạt động trao đổi.
- D. Hoạt động tiêu dùng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Doanh nghiệp A ký hợp đồng nhập khẩu 1000 chiếc máy điều hòa không khí loại có công suất 18.000 BTU/máy, 20 xe ô tô loại 4 chỗ ngồi, 30 chiếc xe khách loại 45 chỗ ngồi và 70 ô tô tải.

Câu 24: Khi nhập khẩu ô tô, doanh nghiệp A không phải nộp loại thuế nào dưới đây?

- A. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- B. Thuế trước bạ ô tô.
- C. Thuế nhập khẩu.
- D. Thuế xuất khẩu.

Câu 25: Khi nhập khẩu dòng điều hòa không khí, doanh nghiệp A **không** phải nộp loại thuế nào dưới đây?

- A. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- B. Thuế giá trị gia tăng.
- C. Thuế nhập khẩu.
- D. Thuế bảo vệ môi trường.

Câu 26: Doanh nghiệp A trong quá trình hoạt động phải nộp loại thuế trực thu nào dưới đây?

- A. Thuế bảo vệ môi trường.
- B. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- C. Thuế nhập khẩu hàng hóa.
- D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 27: Xét về hoạt động của nền kinh tế, doanh nghiệp A thuộc chủ thể nào dưới đây?

- A. Chủ thể sản xuất.
- B. Chủ thể trung gian.
- C. Chủ thể tiêu dùng.
- D. Chủ thể nhà nước.

Câu 28: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Thuế được xem là khoản thu quan trọng, ổn định lâu dài. Nguồn thu từ thuế vào ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng để đáp ứng nhu cầu chi tiêu công của Nhà nước. Nguồn thu từ thuế một phần được sử dụng cho hoạt động của bộ máy nhà nước, phần lớn được đầu tư cho văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, tài trợ xã hội, nghiên cứu khoa học,...

a) Thuế là nguồn thu duy nhất của ngân sách nhà nước.

b) Hoạt động chi tiêu công của Nhà nước chính là hoạt động chi tiêu cho Bộ máy nhà nước.

c) Nguồn thu từ thuế phần lớn đầu tư cho văn hoá, y tế, giáo dục, là thể hiện vai trò của thuế.

d) Hoạt động đầu tư cho xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước trong đó có tiền thu thuế là thể hiện sự đầu tư gián tiếp trở lại cho chính người nộp thuế.

Câu 29: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Nhà nước áp dụng các biện pháp đánh thuế suất rất cao đối với một số hàng hoá, dịch vụ mang tính chất xa xỉ, không thực sự cần thiết như bia, rượu, thuốc lá, xì gà...: các dịch vụ như kinh doanh xổ số, casino, vũ trường

a) Thuế đánh vào các hàng hóa có đặc điểm như trên được gọi là thuế tiêu thụ đặc biệt.

b) Việc đánh thuế rất cao những mặt hàng trên nhằm mục đích tăng thu cho ngân sách nhà nước.

c) Đánh thuế cao những mặt hàng xa xỉ như trên là một hình thức góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.

d) Việc đánh thuế cao thể hiện vai trò và chức năng của nhà nước trong việc quản lý nền kinh tế.

Câu 30: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Bà H mở cửa hàng kinh doanh có đăng ký kinh doanh 8 loại mặt hàng và đóng thuế đầy đủ. Nhận thấy nhu cầu về một số mặt hàng mới đang tăng, bà H đã bí mật nhập một số hàng hóa về bán mà không đăng ký kinh doanh bổ sung cũng như không khai báo với cơ quan thuế. Trong một lần kiểm tra đột xuất, cơ quan thuế đã phát hiện và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và buộc bổ sung thông tin và khai báo với cơ quan thuế.

a) Bà H vi phạm quyền của công dân về thuế.

- b) Bà H là chủ thể trung gian trong nền kinh tế.
- c) Việc xử phạt bà H trong lĩnh vực thuế thể hiện vai trò quản lý nền kinh tế của chủ thể nhà nước.
- d) Ngoài một số loại thuế theo quy định, bà H phải nộp thuế môn bài.

BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Câu 1: Nội dung nào đúng về mô hình công ti trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên?

- A. Có từ 2 đến 40 thành viên là tổ chức cá nhân.
- B. Có từ 2 đến 60 thành viên là tổ chức cá nhân.
- C. Có từ 2 đến 30 thành viên là tổ chức cá nhân.
- D. Có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức cá nhân.

Câu 2: Nhận định nào sau đây không đúng về mô hình sản xuất kinh doanh hộ gia đình?

- A. Mô hình sản xuất kinh doanh nhỏ do cá nhân và hộ gia đình thành lập.
- B. Mô hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn về việc vay vốn.
- C. Mô hình sản xuất kinh doanh chỉ dành cho lĩnh vực nông nghiệp.
- D. Mô hình sản xuất kinh doanh sử dụng từ 10 lao động trở lên.

Câu 3: Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp là nội dung của khái niệm doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân.
- B. Công ty hợp danh.
- C. Liên minh hợp tác xã.
- D. Công ty cổ phần

Câu 4: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp là có tính

- A. tổ chức.
- B. phi lợi nhuận.
- C. tính nhân đạo.
- D. tự phát.

Câu 5: Mô hình kinh tế nào dưới đây dựa trên hình thức đồng sở hữu, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Công ty hợp danh
- B. Hộ kinh doanh.
- C. Hộ gia đình.
- D. Hợp tác xã.

Câu 6: Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là góp phần

- A. giải quyết việc làm.
- B. tàn phá môi trường.
- C. duy trì thất nghiệp.
- D. thúc đẩy khủng hoảng.

Câu 7: Đối với công ty hợp danh ngoài thành viên hợp danh thì còn có thành viên

- A. đứng đầu.
- B. độc lập.
- C. góp vốn.
- D. làm thuê.

Câu 8: Trong mọi mô hình sản xuất kinh doanh thì yếu tố nào sau đây quyết định sự thành công?

- A. Con người
- B. Tài chính
- C. Dây chuyền, công nghệ, máy móc
- D. Bí quyết kinh doanh

Câu 9: Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp là nội dung của khái niệm doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân.
- B. Công ty hợp danh.

b. Liên minh hợp tác xã.

d. Công ty cổ phần

Câu 10: Một trong những ưu điểm của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

- A. quy mô nhỏ.
- B. không phải đóng thuế.
- C. không cần đăng ký.
- D. quy mô lớn.

Câu 21: Mô hình sản xuất kinh doanh của gia đình chị T do ai chịu trách nhiệm?

- A. Gia đình chị T.
- B. Chị T.
- C. Sáu lao động làm thuê.
- D. Chị T và sáu lao động.

Câu 22: Việc phát triển mô hình kinh doanh của gia đình chị T sẽ **không** gặp phải khó khăn nào dưới đây?

- A. Khó quản lý.
- B. Khó huy động vốn.
- C. Khó mở rộng quy mô.
- D. Khó đáp ứng khách hàng lớn.

Câu 23: Xét về chủ thể của nền kinh tế, hoạt động của gia đình chị T thuộc chủ thể nào dưới đây?

- A. Chủ thể sản xuất.
- B. Chủ thể tiêu dùng.
- C. Chủ thể trung gian.
- D. Chủ thể nhà nước.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Bạn H sinh ra trong một miền quê và gia đình gắn bó với nghề làm nón lá truyền thống. H được bố mẹ truyền lại kinh nghiệm làm nón và những bí quyết riêng để tạo ra những chiếc nón đẹp. Những ngày cuối tuần được nghỉ học, H thường phụ giúp bố mẹ làm nón. Với quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp nên thu nhập của gia đình không lớn. Những năm gần đây, thấy tình hình tiêu thụ nón là khó khăn, gia đình H và các hộ gia đình trong làng đã tìm cách đưa nón lá của quê hương mình đến những vùng miền khác và xuất khẩu đi một số nước. H mong muốn sau này sẽ tiếp tục nghề truyền thống của gia đình mình để đưa những chiếc nón lá – một nét đẹp văn hóa Việt Nam đến khắp nơi trên thế giới.

Câu 24: Khi gia đình H và các hộ gia đình tìm cách đưa nón lá của quê hương đến một số nước trên thế giới thì có thể phải đóng loại phí nào dưới đây?

- A. Thuế thu nhập cá nhân.
- B. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- C. Thuế nhập khẩu.
- D. Thuế xuất khẩu.

Câu 25: Nội dung nào dưới đây không thể hiện vai trò của sản xuất kinh doanh được đề cập trong thông tin trên?

- A. Tạo việc làm cho người lao động.
- B. Mang lại thu nhập ổn định.
- C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. Góp phần gia tăng tệ nạn xã hội.

Câu 26: Mô hình sản xuất kinh doanh được nhắc đến trong thông tin trên là mô hình

- A. hộ gia đình.
- B. hợp tác xã.
- C. doanh nghiệp tư nhân.
- D. doanh nghiệp nhà nước.

Câu 27: Theo phạm vi không gian, thị trường nón lá truyền thống của bạn H và gia đình gồm

- A. trong nước và quốc tế.
- B. trong nước và các tỉnh.
- C. quốc tế và Đông nam á.
- D. hoàn toàn trong tỉnh.

Câu 28: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Công ty bánh kẹo DH do anh A làm chủ và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo. Với hệ thống dây chuyền máy móc, nhà xưởng cùng công nghệ hiện đại, lao động có tay nghề cao đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, được nhiều người tiêu dùng yêu thích như bánh mì, bánh bông lan, bánh trung thu, kẹo sữa... Công ty còn là nguồn cung ứng nguyên vật liệu uy tín cho các đơn vị cùng ngành và tạo ra việc làm ổn định cho một lượng lớn người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế địa phương?

- a) Công ty bánh kẹo DH là mô hình doanh nghiệp tư nhân.
- b) Tạo việc làm và đóng góp cho sự phát triển của địa phương là thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- c) Công ty DH vừa là chủ thể sản xuất vừa là chủ thể trung gian trong nền kinh tế.
- d) Để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh công ty có thể phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn.

Câu 29: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận xuất hiện mô hình kinh tế hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với cách sản xuất kinh doanh mới Bình Thuận hiện có khoảng 180 hợp tác xã, được hình thành một cách tự nguyện giữa các xã viên với hơn 47 800 thành viên. Các hợp tác xã vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội, bên cạnh việc cùng sản xuất và cùng kinh doanh, tạo ra thu nhập thì hợp tác xã còn góp phần tạo ra việc làm cho thành viên, giảm được tình hình thất nghiệp của xã hội, tạo điều kiện phát triển cho những cá nhân nhỏ lẻ, không đủ khả năng tự kinh doanh độc lập.

a) Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã là hai mô hình kinh tế độc lập với nhau.

b) Nếu như hợp tác xã được hình thành một cách tự nguyện thì liên hiệp hợp tác xã thành lập mang tính bắt buộc.

c) Tạo việc làm và mang lại thu nhập là thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Liên hiệp hợp tác xã có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần khi có đủ điều kiện.

Câu 30: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Ông T là một người tâm huyết với những công trình xây dựng cầu đường. Ông thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T do ông đứng tên, với số vốn đăng kí kinh doanh là 7 tỉ đồng. Ông chịu hoàn toàn trách nhiệm trong số vốn đã góp. Với bộ máy tinh gọn và đội ngũ nhân viên tâm huyết, chỉ sau 4 năm, ông đã thành công với nhiều công trình lớn nhỏ và nâng số vốn đăng kí kinh doanh lên 17 tỉ đồng. Ngoài ra, ông còn tạo công ăn việc làm cho một lượng lớn lao động cũng như đóng thuế và tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước.

a) Tinh gọn và dễ quản lý là một trong những ưu điểm nổi trội của mô hình sản xuất kinh doanh là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

b) Ông T chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn là 7 tỷ đồng.

c) Ông T nâng số vốn kinh doanh lên 17 tỷ đồng nên công ty của ông chuyển sang mô hình công ty cổ phần.

d) Vì là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nên ông T không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG

Câu 1: Một trong những đặc điểm của tín dụng là

A. tính vĩnh viễn.

B. tính bắt buộc.

C. tính phổ biến.

D. dựa trên sự tin tưởng.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của tín dụng?

A. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

B. Hạn chế bớt tiêu dùng

C. Tăng vòng quay của vốn, tiết kiệm tiền mặt trong lưu thông.

D. Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Câu 3: Trong quá trình cho vay có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng được gọi là gì ?

A. Tiền dịch vụ.

B. Tiền lãi.

C. Tiền gốc.

D. Tiền phát sinh.

Câu 4: Tín dụng **không** có vai trò nào dưới đây?

A. Tín dụng là công cụ thúc đẩy sự lưu thông của hàng hoá và tiền tệ.

B. Tín dụng là công cụ giúp thúc đẩy kinh doanh, đầu tư sinh lời.

C. Tín dụng làm gia tăng mối quan hệ chủ nợ - con nợ trong xã hội.

D. Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật những tổ chức nào sau đây được phép cấp tín dụng?

- A. Kho bạc
B. Chi cục thuế
C. Các ngân hàng thương mại
D. Tiệm cầm đồ

Câu 6: Một trong những vai trò của tín dụng là huy động nguồn vốn nhân đôi vào

- A. cá độ bóng đá.
B. lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
C. sản xuất kinh doanh.
D. các dịch vụ đỏ đen.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây phản ánh tính tạm thời của việc sử dụng dịch vụ tín dụng?

- A. Nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong thời gian vô hạn.
B. Nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong thời gian nhất định.
C. Tặng một lượng vốn cá nhân cho người khác.
D. Chuyển giao hoàn toàn quyền sử dụng một lượng vốn.

Câu 8: Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân đôi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn

- A. nguyên phân gốc ban đầu.
B. nguyên phân lãi phải trả.
C. đủ số vốn ban đầu.
D. cả vốn gốc và lãi.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của tín dụng ?

- A. Là công cụ điều tiết kinh tế xã hội .
B. Hạn chế bớt tiêu dùng.
C. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
D. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông.

Câu 10: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của tín dụng ?

- A. Là công cụ điều tiết kinh tế xã hội .
B. Hạn chế bớt tiêu dùng.
C. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
D. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông.

Câu 11: Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

- A. Tín dụng nhà nước.
B. Tín dụng ngân hàng.
C. Tín dụng thương mại.
D. Tín dụng tiêu dùng.

Câu 12: Hình thức vay tín dụng ngân hàng nào sau đây người vay phải trả lãi hàng tháng và một phần nợ gốc?

- A. Vay thấu chi. B. Vay tín chấp. C. Vay thế chấp. D. Vay trả góp.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về đặc điểm của tín dụng?

- A. Tín dụng dựa trên sự chuyển nhượng tài sản không thời hạn hoặc có tính hoàn trả.
B. Tín dụng dựa trên sự chuyển giao toàn bộ tài sản cho bên vay tín dụng.
C. Tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin giữa người đi vay và người cho vay.
D. Tín dụng dựa trên nguyên tắc không chỉ hoàn trả lãi, mà còn trả cả vốn.

Câu 14: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm của tín dụng ?

- A. Dựa trên cơ sở lòng tin.
B. Có tính vô hạn.
C. Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi.
D. Có tính thời hạn.

Câu 15: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm của tín dụng ?

- A. Dựa trên sự tin tưởng.
B. Tính hoàn trả.
C. Tính tạm thời.
D. Tính bắt buộc.

Câu 16: Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức tín dụng nào dưới đây?

- A. Tín dụng đen.
B. Cho vay trả góp.
C. Cho vay tín chấp.
D. Cho vay thế chấp.

Câu 17: Hình thức tín dụng nào dưới đây không có sự tham gia của hệ thống ngân hàng?

- A. Tín dụng thương mại.
B. Tín dụng ngân hàng.
C. Tín dụng nhà nước.
D. Cho vay thế chấp.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đặc điểm của tín dụng ?

- A. Có tính hoàn trả cả gốc và lãi.
B. Dựa trên sự tin tưởng.
C. Có tính tạm thời.
D. Chỉ cần hoàn trả gốc hoặc lãi.

Câu 19: Sau 3 năm vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội để phát triển kinh tế, nhờ đó chị H có thể phát triển chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh dịch vụ mang lại thu nhập ổn định, từng bước vươn lên làm giàu. Hiệu quả kinh tế mà chị H đạt được nói lên nội dung nào dưới đây của tín dụng

- A. đặc điểm của tín dụng.
- B. trách nhiệm của tín dụng.
- C. vai trò của tín dụng.
- D. nghĩa vụ của tín dụng.

Câu 20: Ngân hàng cho anh A vay sau khi xem xét và tin tưởng anh A là người sử dụng vốn có hiệu quả, có khả năng trả nợ đúng hạn ngân hàng. Việc ngân hàng cho anh A vay nói đến đặc điểm nào dưới đây của tín dụng?

- A. Có tính tự trọng.
- B. Có sự tin tưởng.
- C. Có tính tạm thời.
- D. Có tính hoàn trả gốc và lãi

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Ông D có nhu cầu vay tiền ngân hàng để mua nhà ở. Với khả năng tài chính hiện tại, ông chỉ trả được 40% trị giá ngôi nhà. Ông dự định đến ngân hàng để vay 60% số tiền còn lại. Khi xem xét hồ sơ của ông, ngân hàng quyết định cho ông vay 60% số tiền còn lại trong thời hạn 10 năm với lãi suất 8,2% năm. Đổi lại, ông phải thế chấp sổ đỏ của ngôi nhà. Trong vòng 10 năm, ông D phải cam kết hoàn trả số tiền lãi và vốn đúng tiến độ thì mới nhận lại sổ đỏ.

Câu 21: Ngân hàng đóng vai trò gì trong mối quan hệ vay mượn tiền để mua nhà của ông D?

- A. Bên cho vay.
- B. Bên hỗ trợ.
- C. Bên được vay.
- D. Bên môi giới.

Câu 22: Tính tạm thời trong quan hệ tín dụng giữa ông D và ngân hàng thể hiện ở việc ông D phải cam kết hoàn trả số tiền lãi và vốn trong thời hạn

- A. 10 năm.
- B. 1 năm.
- C. 2 năm.
- D. 3 năm.

Câu 23: Trong thông tin trên, mục đích của việc sử dụng dịch vụ tín dụng của ông D là để

- A. phục vụ sản xuất.
- B. mua bất động sản.
- C. vay tiêu dùng.
- D. vay chứng khoán.

Câu 24: Hình thức tín dụng ngân hàng mà ông D vay là

- A. vay tín chấp.
- B. vay trả góp.
- C. vay thế chấp.
- D. vay chứng khoán.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Để có thêm vốn thực hiện dự án nuôi cá tầm thương phẩm, anh A quyết định đến ngân hàng đề nghị được vay tiền. Sau khi xem xét mục đích, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng hoàn trả nợ vay, trong quá khứ anh A luôn trả nợ đúng thời hạn, phía ngân hàng hoàn toàn tin tưởng và quyết định cho anh vay 100 triệu đồng với lãi suất ưu đãi, thời hạn vay 2 năm. Anh A cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay cộng thêm phần tiền lãi đúng kì hạn như đã thỏa thuận với ngân hàng.

Câu 25: Xét về bản chất của tín dụng thì mối quan hệ giữa anh A và ngân hàng là mối quan hệ giữa

- A. người đi vay với nhau.
- B. người cho vay với nhau.
- C. người vay và cho vay.
- D. người vay với người vay.

Câu 26: Vai trò của tín dụng được thể hiện trong thông tin trên là nhằm

- A. phục vụ mở rộng sản xuất.
- B. phục vụ hoạt động tiêu dùng.
- C. đầu tư kinh doanh chứng khoán.
- D. đầu tư nhà ở và bất động sản.

Câu 27: Yếu tố nào dưới đây quyết định việc ngân hàng hoàn toàn tin tưởng và quyết định cho anh A vay 100 triệu đồng với lãi suất ưu đãi, thời hạn vay 2 năm?

- A. Lịch sử tín dụng tốt.
- B. Có nhiều tài sản thế chấp.
- C. Có nhiều quan hệ xã hội.
- D. Lịch sử bản thân đầy đủ.

Câu 28: Hình thức tín dụng ngân hàng mà anh A vay là

- A. vay tín chấp.
- B. vay trả góp.
- C. vay thế chấp.
- D. vay chứng khoán.

Câu 29: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ngân hàng A tiến hành cho các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh K vay vốn hơn 1000 tỉ đồng, thời hạn vay ưu đãi lên đến 15 năm với mức lãi suất 7,5%. Trong 15 năm, các doanh nghiệp sẽ cam kết thực hiện đúng các quy định pháp luật về sử dụng tín dụng, phải trả đủ số tiền lãi và vốn khi đến hạn hoàn trả. Đây là một dịch vụ tín dụng phổ biến dựa trên tài sản đảm bảo và uy tín của cá nhân, doanh nghiệp với ngân hàng để giúp duy trì, phát triển tiêu dùng và sản xuất kinh doanh.

a) Việc yêu cầu các doanh nghiệp phải trả đúng hạn thể hiện thể hiện vai trò của tín dụng trong việc hoàn trả cả gốc và lãi.

b) Ngoài việc trả tiền gốc và lãi theo thảo thuận, các doanh nghiệp phải đóng một khoản thuế trên số tiền vay từ ngân hàng A.

c) Quan hệ giữa ngân hàng A với các doanh nghiệp và cá nhân vay vốn vừa là quan hệ tín dụng vừa là quan hệ giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh.

d) Quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp sẽ kết thúc khi người vay hoàn trả đủ cả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận.

Câu 30: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Từ nhiều năm nay, chính sách trợ vốn ngân hàng của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên đã giúp nhiều em có hoàn cảnh khó khăn thực hiện được ước mơ đến với giảng đường đại học. Nhờ được vay ưu đãi, các em có kinh phí để hoàn thành khoá học, có thêm cơ hội, tìm được việc làm và phát triển bản thân, có thu nhập để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn vay cho ngân hàng.

a) Nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục học tập là thể hiện vai trò của tín dụng.

b) Vì đây là nguồn vốn chính phủ, nên các sinh viên không phải hoàn trả lại số tiền gốc và lãi cho ngân hàng.

c) Việc sinh viên được tiếp cận nguồn vốn vay của chính phủ là thể hiện vai trò của ngân sách nhà nước.

d) Quan hệ giữa ngân hàng với sinh viên vay vốn không phải là quan hệ tín dụng mà là sự hỗ trợ chi phí học tập.

Câu 31: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, ngân hàng A thực hiện giảm lãi suất cho các khoản vay sản xuất kinh doanh đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Cụ thể, với khách hàng doanh nghiệp, mức lãi suất cho vay kinh doanh là 5%/ năm. Với khách hàng là cá nhân vay vốn kinh doanh, mức lãi suất cho vay là 6%/ năm. Ngoài ra, đối với các nhu cầu vay tiêu dùng như mua nhà, xây sửa nhà, mua xe ô tô,...khách hàng có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi cố định trong 12 tháng đầu tiên.

a) Việc quy định mức lãi suất khác nhau đối với khách hàng là cá nhân và doanh nghiệp là vi phạm quy định về hoạt động tín dụng.

b) Quan hệ giữa ngân hàng và doanh nghiệp khác với quan hệ giữa ngân hàng với cá nhân ở tính hoàn trả cả gốc và lãi.

c) Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng là vai trò của tín dụng đối với xã hội.

d) Việc cho vay sản xuất và kinh doanh trong thông tin trên là thể hiện vai trò của ngân sách nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

BÀI 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG

Câu 1: Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

A. đầy đủ quan hệ nhân thân.

B. tài sản đảm bảo.

- C. địa vị chính trị. D. tư cách pháp nhân.
- Câu 2:** Chủ thể cho vay của tín dụng nhà nước đó là
A. người nước ngoài. B. doanh nghiệp. C. người dân. D. nhà nước.
- Câu 3:** Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?
A. Tín dụng nhà nước. B. Tín dụng ngân hàng.
C. Tín dụng thương mại. D. Tín dụng tiêu dùng.
- Câu 4:** Một trong những ưu điểm khi thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp là
A. không cần hồ sơ thủ tục. B. số tiền được vay thường lớn.
C. thủ tục đơn giản. D. dựa vào sở thích của người vay.
- Câu 5:** Cho vay tín chấp dựa vào đặc điểm nào của người vay?
A. Uy tín của người vay và có tài sản đảm bảo.
B. Uy tín của người vay và không cần tài sản đảm bảo.
C. Có tài sản đảm bảo.
D. Là công chức, viên chức nhà nước.
- Câu 6:** Hình thức tín dụng nào trong đó người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu về mua sắm hàng hóa
A. tư nhân. B. thương mại. C. nhà nước. D. tiêu dùng.
- Câu 7:** Quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là ngân hàng với một bên là các chủ thể kinh tế dựa trên nguyên tắc thỏa thuận và có hoàn trả được gọi là dịch vụ tín dụng
A. tiêu dùng. B. doanh nghiệp. C. ngân hàng. D. cá nhân.
- Câu 8:** Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức tín dụng nào dưới đây?
A. Tín dụng đen. B. Cho vay trả góp.
C. Cho vay tín chấp. D. Cho vay thế chấp.
- Câu 9:** Người mua tham gia mua trái phiếu chính phủ để được hưởng lãi suất vay thuộc dịch vụ tín dụng nào?
A. Tín dụng ngân hàng. B. Tín dụng tiêu dùng.
C. Tín dụng thương mại. D. Tín dụng nhà nước.
- Câu 10:** Quan hệ tín dụng giữa nhà nước với các nước khác trên thế giới gọi là hình thức tín dụng
A. tiêu dùng. B. cá nhân. C. doanh nghiệp. D. nhà nước.
- Câu 11:** Cá nhân không thể hiện tốt kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân khi thực hiện hành vi nào dưới đây?
A. Xây dựng kế hoạch chi tiêu cụ thể.
B. Cân nhắc cụ thể các khoản chi tiêu.
C. Tự do tiêu tiền trong thẻ của bố mẹ.
D. Tính toán những khoản cần thiết để tiêu dùng.
- Câu 12:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm của tín dụng thương mại?
A. Chủ thể cho vay là doanh nghiệp.
B. Chủ thể đi vay là doanh nghiệp.
C. Thanh toán khoản vay cũng bằng hàng hoá.
D. Đối tượng cho vay là hàng hoá.
- Câu 13:** Nguyên tắc hoạt động cơ bản của tín dụng nhà nước đó là không vì
A. mục đích vay tiền. B. lợi ích của người gửi.
C. mục đích lợi nhuận. D. mục tiêu ổn định kinh tế.
- Câu 14:** Hình thức bán chịu trả góp là một hình thức của tín dụng
A. tiêu dùng B. ngân hàng. C. doanh nghiệp. D. nhà nước.
- Câu 15:** Hình thức tín dụng nào dưới đây có đối tượng huy động là hàng hóa?
A. Cho vay trả góp. B. Tín dụng nhà nước.
C. Tín dụng thương mại. D. tín dụng ngân hàng.

Câu 16: Hình thức tín dụng nào dưới đây có đối tượng cho vay là hàng hóa?

- A. Tín dụng nhà nước.
- B. Tín dụng thương mại.
- C. Cho vay trả góp.
- D. Tín dụng ngân hàng.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng nhà nước?

- A. Theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước.
- B. Cho vay với lãi suất ưu đãi.
- C. Chủ thể cung ứng vốn để cấp tín dụng là Nhà nước.
- D. Người được cấp vốn tín dụng nhà nước không phải hoàn trả.

Câu 18: Chị H vay tiền của ngân hàng X 20 triệu đồng để mua xe. Hàng tháng H phải trả một phần nợ gốc và lãi cho ngân hàng. H đã tham gia dịch vụ tín dụng ngân hàng nào sau đây?

- A. Vay thế chấp.
- B. Vay tín chấp.
- C. Vay thấu chi.
- D. Vay trả góp.

Câu 19: Chị M cán bộ xã Z muốn vay tín dụng ngân hàng nhưng không có tài sản thế chấp. Nếu lịch sử tín dụng tốt, chị M có thể tham gia vay dịch vụ tín dụng nào?

- A. Vay tín chấp
- B. Vay trả góp.
- C. Vay thế chấp.
- D. Vay thấu chi.

Câu 20: Bạn M dùng tiền nhân rồi mua trái phiếu chính phủ của Nhà nước. Trong trường hợp này chủ thể cho vay là ai?

- A. Là Ngân hàng Nhà nước.
- B. Là Ngân hàng chính sách xã hội.
- C. Là Nhà nước.
- D. Là bạn M.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Doanh nghiệp A (chuyên về sản xuất bút bi, đồ dùng học tập) cho doanh nghiệp B (chuyên kinh doanh các mặt hàng văn phòng phẩm) mua chịu các sản phẩm của mình trong một thời gian do hai bên cam kết. Doanh nghiệp B sẽ đẩy mạnh bán hàng để thu hồi vốn và có lợi nhuận kinh doanh. Khi đến hạn hoàn trả, doanh nghiệp B sẽ hoàn lại số tiền đã mua chịu hàng hoá ban đầu cho bên A cùng với một số tiền lãi theo thoả thuận. Nhờ có hình thức mua chịu hàng hoá này, 2 doanh nghiệp A và B đã giảm được sự lệ thuộc vốn vào Nhà nước hoặc các ngân hàng. Đồng thời, dịch vụ này giúp cả hai doanh nghiệp mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh lâu bền hơn.

Câu 21: Trong thông tin trên, đối tượng cho vay là

- A. hàng hóa.
- B. tiền mặt.
- C. lãi suất.
- D. lợi nhuận.

Câu 22: Hình thức tín dụng nào được đề cập trong thông tin trên?

- A. Cho vay trả góp.
- B. Tín dụng nhà nước.
- C. Tín dụng thương mại.
- D. tín dụng ngân hàng.

Câu 23: Trong thông tin trên, doanh nghiệp A đóng vai trò là chủ thể

- A. đi vay.
- B. cho vay.
- C. trung gian.
- D. tiêu dùng.

Câu 24: Hình thức tín dụng thương mại trên đã giúp cho cả 2 doanh nghiệp

- A. thanh toán dễ dàng.
- B. đỡ mất thời gian.
- C. giao dịch nhanh chóng.
- D. giảm sự lệ thuộc vốn vào nhà nước.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Ông H cầm cố tài sản tại Ngân hàng X. Đến hạn trả nợ, ông không thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay. Trong hợp đồng cam kết không có thoả thuận về cách xử lý tài sản cầm cố. Ông H cho rằng tài sản cầm cố đó vẫn thuộc về mình nên đã đem bán.

Câu 25: Hình thức tín dụng nào được đề cập trong thông tin trên?

- A. Vay thế chấp.
- B. Vay trả góp.
- C. Vay tín chấp.
- D. Vay thấu chi.

Câu 26: Ông H đã thực hiện **không** đúng nội dung nào dưới đây trong hợp đồng với ngân hàng?

- A. Quyền.
- B. Nghĩa vụ.
- C. Trách nhiệm pháp lý.
- D. Trách nhiệm góp vốn.

Câu 27: Vì ông H không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ và cố tính đem bán tài sản đã thế chấp nên Ngân hàng X có quyền

- A. xử lý tài sản cầm cố.
- B. khởi kiện ra tòa án.
- C. xóa nợ cho ông H.
- D. thuê xã hội đen đòi nợ.

Câu 28: Đặc điểm của hình thức cho vay thế chấp là

- A. phải được người thân đồng ý.
- B. có tài sản đảm bảo.
- C. có hợp đồng thỏa thuận.
- D. thủ tục vay đơn giản.

Câu 29: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Gia đình bạn X dự định mua nhà mới nhưng còn thiếu 200 triệu đồng. Bố của X đã mang căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận lương hằng tháng đến ngân hàng để vay tiền số tiền trên. Nhân viên ngân hàng cho biết bố của X là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định nên có thể vay không cần đảm bảo trong thời hạn 1 năm.

- a) Bố bạn X đã sử dụng dịch vụ tín dụng là vay tín chấp.
- b) Mục đích vay để mua nhà nước nên đây là biểu hiện của tín dụng tiêu dùng.
- c) Trong trường hợp ngân hàng không giải ngân cho gia đình bạn X vay, bố bạn X có thể liên hệ với các dịch vụ cho vay trả góp của các công ty tài chính là phù hợp.
- d) Sau khi mua nhà, bố bạn X có thể sử dụng ngay giấy chứng nhận sở hữu ngôi nhà đã mua để chuyển sang hình thức vay thế chấp số tiền lớn hơn.

Câu 30: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Anh T dùng thẻ tín dụng do ngân hàng cấp để trả tiền mua sắm quần áo. Căn cứ vào mức lương của anh T là 10 triệu đồng, ngân hàng cho phép anh T sử dụng dịch vụ thẻ với hạn mức tín dụng là 40 triệu đồng. Sau một thời gian theo thỏa thuận, anh T phải thanh toán lại cho ngân hàng. Sau thời gian đó, nếu không trả hết số tiền đã vay, anh T sẽ phải chịu lãi.

- a) Anh T đã sử dụng hình thức tín dụng ngân hàng thông qua phương thức giao dịch là cho vay trả góp.
- b) Số tiền 40 triệu đồng anh T sử dụng là số tiền của anh nên anh không phải trả gốc và lãi.
- c) Anh T không được rút tiền mặt để tiêu mà anh được cấp thẻ để thanh toán cho các giao dịch mua sắm.
- d) Mọi công dân nếu có nhu cầu tiêu dùng đều có quyền được cấp thẻ tín dụng nhưng phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ.

Câu 31: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Anh H muốn mua một chiếc máy tính tại cửa hàng máy tính X. Sau khi nhân viên tư vấn về các dịch vụ mua hàng, anh H lựa chọn mua trả góp thông qua công ty tài chính liên kết với cửa hàng. Anh trả trước 40% giá trị sản phẩm, số tiền còn lại sẽ trả góp thông qua công ty tài chính. Sau khi hoàn tất thủ tục mua trả góp, anh H được nhận máy tính.

- a) Anh H đã sử dụng dịch vụ tín dụng tiêu dùng thông qua hình thức tín dụng ngắn hạn.
- b) Các công ty tài chính cũng có chức năng như là các tổ chức tín dụng.
- c) Trong mọi trường hợp chi phí sử dụng tiền mặt bao giờ cũng thấp hơn mua trả góp.
- d) Anh H phải nộp thuế giá trị gia tăng khi thực hiện việc mua hàng hóa.

BÀI 10: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Câu 1: Việc không xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính sẽ khiến mỗi người

- A. được người khác tôn trọng.
- B. duy trì tài chính lành mạnh.
- C. chi tiêu hoang phí và không kiểm soát
- D. chủ động tính toán chi tiêu

Câu 2: Toàn bộ những vấn đề liên quan đến thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư... của mỗi người được gọi là

- A. tài chính doanh nghiệp.
- B. tài chính gia đình.
- C. tài chính thương mại.
- D. tài chính cá nhân.

Câu 3: Bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân được gọi là

- A. Kế hoạch tài chính gia đình.
- B. Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.
- C. Kế hoạch tài chính cá nhân
- D. Kế hoạch phân bổ ngân sách.

Câu 4: Nội dung nào sau đây không phải đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn?

- A. Thực hiện mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.
- B. Mục tiêu thường là khoản tiền lớn.
- C. Thời gian thực hiện dưới 6 tháng.
- D. Thời gian thực hiện trên 6 tháng.

Câu 5: Lập kế hoạch tài chính để xây dựng nguồn tiền tiết kiệm không bao gồm khoản thu nào sau đây?

- A. Tiền lương.
- B. Tiền làm thêm.
- C. Tiền được chu cấp.
- D. Tiền mượn nợ.

Câu 6: Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 5 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

- A. Kế hoạch dài hạn.
- B. Kế hoạch vô thời hạn.
- C. Kế hoạch trung hạn.
- D. Kế hoạch ngắn hạn.

Câu 7: Việc làm nào dưới đây thể hiện cá nhân có kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Ghi chép cụ thể các khoản cần chi tiêu.
- B. Tiêu đến đâu thì lo đến đấy
- C. Tự do tiêu tiền sau đó xin bố mẹ.
- D. Sử dụng thẻ tín dụng không giới hạn.

Câu 8: Khi thực hiện theo dõi và kiểm soát thu chi, cá nhân cần phải:

- A. Chỉ xác định khoản tiết kiệm.
- B. Tách khoản chi thiết yếu và không thiết yếu.
- C. Chỉ xác định khoản chi không thiết yếu.
- D. Chỉ xác định khoản chi thiết yếu.

Câu 9: Bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian dưới 3 tháng được gọi là

- A. Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.
- B. Kế hoạch tài chính cá nhân vô thời hạn.
- C. Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.
- D. Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

Câu 10: Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 2 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

- A. Kế hoạch dài hạn.
- B. Kế hoạch trung hạn.
- C. Kế hoạch vô thời hạn.
- D. Kế hoạch ngắn hạn.

Câu 11: Khi thực hiện thu chi, nếu cá nhân chi vượt mức quy định thì cá nhân cần phải làm gì?

- A. Xin tiền ba mẹ bù vào.
- B. Cắt giảm các khoản chi không thiết yếu.
- C. Cắt giảm các khoản chi thiết yếu.
- D. Ghi nợ, kế hoạch tài chính lần sau bù lại.

Câu 12: Có mấy loại kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. 5
- B. 6
- C. 3
- D. 4

Câu 13: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân biết lập kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người

- B. tự do tiêu sài phung phí.
- C. tính toán và cân đối chi tiêu.
- D. chi tiêu không có kế hoạch.

Câu 14: Để kế hoạch tài chính không bị thâm hụt người lập kế hoạch cần phải làm gì?

- A. Không xây dựng khoản tiết kiệm
- B. Tích cực thu, giảm chi.
- C. Thiết lập quy tắc thu, chi hợp lý.
- D. Luôn thu, không chi.

Câu 15: Kế hoạch tài chính cá nhân không gắn liền với hoạt động nào dưới đây?

- A. Hoạt động tiết kiệm.
- B. Hoạt động nghệ thuật.
- C. Hoạt động thu nhập.
- D. Hoạt động chi tiêu.

Câu 16: Việc làm nào dưới đây thể hiện cá nhân có kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Vay tín dụng đen để trả vào nhưng khoản còn nợ
- B. Luôn mua sắm những gì mình thích dù ko có tiền.
- C. Xây dựng dự toán chi tiêu trong tháng.
- D. Mượn bạn bè mua cái mình thích rồi tính sau.

Câu 17: Kế hoạch tài chính cá nhân của mỗi cá nhân luôn luôn gắn với một

- A. mối quan hệ đa chiều
- B. giai đoạn thời gian.
- C. thủ tục phức tạp.
- D. người có địa vị.

Câu 18: Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn thường gắn với khoảng thời gian là

- A. từ 6 tháng trở lên.
- B. từ 2 tháng trở lên.
- C. từ 1 tháng trở lên.
- D. không xác định.

Câu 19: Khi xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân, M đã dành toàn bộ các khoản thu nhập mà mình có được để tiết kiệm với mong muốn kế hoạch tiết kiệm của mình sẽ nhanh chóng hoàn thành. Trong trường hợp này, kế hoạch của M thiếu nội dung gì?

- A. Các khoản chi không thiết yếu.
- B. Các khoản thu nhập tăng thêm.
- C. Các khoản thu nhập thường xuyên.
- D. Các khoản chi tiêu thiết yếu.

Câu 20: Bạn K cần mua 1 máy tính CASIO Fx570ES Plus giá 500 nghìn đồng. Bạn đã lập kế hoạch tài chính cá nhân tiết kiệm trong 2 tháng. Tuy nhiên sau 2 tháng, máy tính CASIO Fx570ES Plus đã tăng giá lên 550k. Trong trường hợp này, bạn H cần làm gì để đạt được mục tiêu của mình

- A. Mua loại khác rẻ tiền hơn.
- B. Điều chỉnh kéo dài kế hoạch.
- C. Quyết định không mua nữa.
- D. Vay bạn bè hoặc bố mẹ.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Bước vào học kỳ 2 lớp 10, với mục đích tiết kiệm một khoản tiền để tham dự khóa học tiếng anh trực tuyến, bạn M đã xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân với thời gian là từ 6-8 tháng để khi vào lớp 11 bạn có thể đăng ký tham dự. Để thực hiện kế hoạch này, bạn M đã vạch rõ các khoản thu, chi cụ thể, thời gian thực hiện. Tuy nhiên, khi thực hiện do thiếu tính quyết đoán, M thường xuyên thực hiện không đúng kế hoạch đã đề ra.

Câu 21: Kế hoạch tài chính cá nhân của bạn M thuộc loại kế hoạch nào dưới đây?

- A. Ngắn hạn.
- B. Vô thời hạn.
- C. Trung hạn.
- D. Dài hạn.

Câu 22: Bạn M đã vi phạm nội dung nào sau đây của kế hoạch tài chính cá nhân?

- A. Xác định mục tiêu tài chính.
- B. Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân.
- C. Theo dõi thu chi cá nhân.
- D. Tuân thủ kế hoạch tài chính.

Câu 23: Việc làm nào dưới đây sẽ giúp M có thể hoàn thành được kế hoạch tài chính cá nhân đã lập ra?

- A. Xác định mục tiêu đề ra.
- B. Chỉ rõ thời gian thực hiện.
- C. Quyết tâm thực hiện kế hoạch.
- D. Phân chia các khoản thu chi.

Câu 24: Kế hoạch tài chính cá nhân của M nhằm mục đích gì?

- A. Dự lớp tiếng anh miễn phí.
- B. tham gia lớp bồi dưỡng tin học.

C. Dự khoá học tiếng anh trực tuyến.

D. tham gia lớp học kỹ năng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Chỉ còn hơn một tháng nữa là đến sinh nhật của mẹ. A tất bật cân đối chi tiêu hàng ngày để dành tiền mua một chiếc bánh kem tặng mẹ. A đặt ra kế hoạch mỗi ngày khi nhận được 20 nghìn đồng ăn sáng, A chỉ dùng 10 nghìn và tiết kiệm 10 nghìn. Một tháng sau, A tiết kiệm được 300 nghìn đồng để mua tặng mẹ chiếc bánh kem rất đẹp mắt. Đồng thời A còn thừa một khoản 80 nghìn đồng vì thứ 7, chủ nhật A không đi học và ăn sáng cùng gia đình.

Câu 25: Kế hoạch tài chính cá nhân của bạn A là loại kế hoạch

A. Ngắn hạn.

B. Vô thời hạn.

C. Trung hạn.

D. Dài hạn.

Câu 26: Mục tiêu của kế hoạch tài chính cá nhân của bạn A là gì?

A. Cân đối chi tiêu hàng ngày.

B. Mua bánh kem tặng mẹ.

C. Tiết kiệm tiền ăn sáng.

D. Phân rõ các khoản chi tiêu.

Câu 27: Nội dung nào trong thông tin trên thể hiện bạn A đã biết thiết lập quy tắc chi tiêu cá nhân?

A. Tất bật cân đối chi tiêu.

B. Phân chia tiền ăn sáng.

C. Lựa chọn bánh tặng mẹ.

D. Ăn sáng cùng gia đình.

Câu 28: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của việc thiết lập kế hoạch chi tiêu tài chính cá nhân đối với bạn A.

A. Thực hiện được mục tiêu mua bánh kem cho mẹ.

B. Tiết kiệm được một khoản tiền nhất định.

C. Có kỹ năng chi tiêu hợp lý, khoa học.

D. Có thái độ coi thường tiền bạc và vật chất.

Câu 29: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

T luôn cẩn thận trong việc chi tiêu của mình. Hằng ngày, T đều ghi lại những khoản thu, chi tiền và luôn đặt ra mục tiêu tiết kiệm trong một tuần. Với số tiền tiết kiệm, T chia thành các khoản quỹ dự phòng, quỹ phát triển bản thân và quỹ đầu tư. Ngoài ra, T còn học cách sử dụng số tiền sẵn có để mở tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng và hưởng lãi suất hằng năm. Nhờ việc luôn chủ động trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, T kiểm soát tốt nguồn tiền của mình và sử dụng tiền có hiệu quả.

a) Bạn T đã biết lập kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân mình.

b) Bạn T đã vận dụng linh hoạt hình thức tín dụng ngân hàng.

c) Việc đặt ra mục tiêu tiết kiệm trong một tuần với học sinh là không cần thiết.

d) Kế hoạch cá nhân của T còn thiếu nội dung chi tiêu cho các khoản thiết yếu.

Câu 30: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Hà đang là sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành công nghệ thông tin. Mặc dù đã có máy tính bàn nhưng Hà ước mong sẽ có một chiếc máy tính xách tay. Hà đã xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân trong hai năm, với các mục tiêu cụ thể như tiết kiệm chi tiêu, tiết kiệm các khoản tiền người thân cho; thiết kế đồ họa cho cửa hàng in ấn, quảng cáo để góp phần tăng thu nhập cho bản thân. Hà hi vọng sau hai năm kế hoạch tài chính cá nhân của mình sẽ thành hiện thực.

a) Thiết kế đồ họa để tăng thu nhập cá nhân là mục tiêu mà trong kế hoạch cá nhân do Hà lập ra.

b) Hà đã lập kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

c) Hà chưa thiết lập được quy chế chi tiêu để thực hiện kế hoạch cá nhân của mình.

d) Hà cần bổ sung mục dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian thực hiện.

Câu 31: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Hằng tháng, Lan lập kế hoạch thu chi của bản thân để cân đối chi tiêu hợp lý, rõ ràng như mua đồ dùng thiết yếu, đồ dùng học tập, giải trí và tiết kiệm. Mục tiêu gần nhất Lan đạt được là mua cuốn từ điển tiếng Anh để phục vụ việc học tập. Thấy Lan lúc nào cũng ghi chép chi tiêu, Hằng là bạn thân cho rằng việc làm này là không cần thiết.

a) Mua được cuốn từ điển tiếng Anh là mục tiêu của kế hoạch tài chính cá nhân do bạn Lan lập ra.

b) Lan đã lập và thực hiện tốt quy chế thu chi trong lập kế hoạch tài chính cá nhân.

c) Kế hoạch tài chính cá nhân của Lan là phù hợp và có tính khả thi cao.

d) Xét về mục tiêu và cách thức thực hiện, kế hoạch của Lan là kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 (2.0 điểm): *Em có nhận xét gì về các việc làm sau?*

a. H thắc mắc tại sao, người nộp thuế phải bỏ tiền ra nộp , sao lại nói rằng, nộp thuế là quyền lợi của công dân? Nếu là quyền lợi sao nhiều người lại trốn thuế?

b. Cá ở biển không có ai nuôi, sao chủ tàu cá phải nộp thuế?

Câu 2 (2.0 điểm):

N không chỉ học giỏi mà còn rất khéo tay, làm được nhiều loại bánh ngon. Nhà ở ngay gần chợ, nhận thấy khả năng có thể kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình, N có ý định sau khi tốt nghiệp phổ thông sẽ học thêm kỹ thuật làm bánh để mở cửa hàng chuyên kinh doanh bánh tại nhà. Tuy nhiên nhiều bạn trong lớp khuyên N nên học đại học để có cơ hội kiếm được nhiều việc làm tốt hơn.

Em có lời khuyên gì cho bạn N?

Câu 3 (1.0 điểm):

Năm nay D vừa thi đỗ đại học nhưng mẹ bán khoản không biết có nên cho D đi học không, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không đủ tiền đóng học phí. Bác K hàng xóm biết chuyện, khuyên gia đình D nên vay tiền ở chính sách xã hội, nhưng mẹ D sợ không trả được.

Nếu là D, em sẽ làm gì?

Câu 4 (1.0 điểm):

Được tư vấn vay vốn ngân hàng để phát triển chăn nuôi nhưng bác M đắn đo vì ngại phải lo nhiều thủ tục và nếu việc chăn nuôi không thuận lợi sẽ không có đủ tiền để trả nợ.

Theo em, bác M đã hiểu đúng về vai trò và đặc điểm của tín dụng chưa? Vì sao?

Câu 5 (2.0 điểm):

Em có nhận xét gì về việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của các trường hợp dưới đây?

a. Từ khi lập kế hoạch tài chính cá nhân để tiết kiệm một khoản tiền, K sống rất tằn tiện, không dám mua gì vì sợ tốn tiền, sợ không thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

b. Y là người nhiều lần đề ra kế hoạch tài chính nhưng chẳng mấy khi thực hiện được.

Câu 6 (1.0 điểm):

X và V là đôi bạn thân. Thấy X hay quan tâm đến việc tính toán chi tiêu tiết kiệm để có tiền mua sách, quà sinh nhật cho em, đóng học phí lớp bồi dưỡng tin học, V góp ý với bạn: “ Sao cậu cứ bận tâm lo tiết kiệm vậy? Mình đang là học sinh nên tập trung vào việc học tập, không nên nghĩ đến chuyện tiền bạc”.

Nếu là X, em sẽ giải thích với V như thế nào?

-----HẾT-----